

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thông qua phương án đơn giản hóa
thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi, chức năng quản lý
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lai Châu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày
07 tháng 8 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan
đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của
Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của
Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số
61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa,
một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ
trình số 1316/TTr-SNN ngày 23 tháng 6 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa đối với 01 thủ tục hành chính lĩnh
vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển
nông thôn tỉnh Lai Châu.

(Có Phụ lục I, II Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính kèm theo)

Điều 2. Giao các sở, ban, ngành có liên quan:

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan dự thảo các văn bản thực thi Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính được phê duyệt tại Quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành có liên quan thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- V: V1, V4, CB;
- Lưu: VT, KS.

Q. CHỦ TỊCH**Tống Thanh Hải**

Phụ lục I:
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC THỦY LỢI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ
NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH LAI CHÂU
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2023 của UBND tỉnh Lai Châu)

Tên TTHC: Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh dịch vụ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung: Qua quá trình thực hiện TTHC, bước thẩm định hồ sơ của tổ chức, cá nhân có thể rút ngắn mà vẫn đảm bảo yêu cầu, đúng quy định. Giảm từ 13 ngày làm việc xuống còn 8 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện chỉ số Cải cách hành chính cấp tỉnh và nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, công dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Tạo điều kiện cho tổ chức, công dân dễ thực hiện quyền và nghĩa vụ; làm giảm chi phí cho cá nhân, tổ chức và cơ quan quản lý nhà nước.

- Kiến nghị thực thi: Đề nghị UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố thực hiện giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

2. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm dự ước: 26.553.000 đ/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm dự ước: 17.560.000 đ/năm.

- Chi phí tiết kiệm dự ước: 8.993.000 đ/năm.

- Giảm được 33,8% chi phí cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính./.

PHỤ LỤC II:
CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2023 của UBND tỉnh Lai Châu)

Tên TTHC: Cấp giấy phép hoạt du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh dịch vụ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh

A. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Thành phần HS 1	Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu (Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018)	2	44,962			1	5	90	450	
1.2	Thành phần HS 2	Dự án đầu tư được phê duyệt	2	44,962			1	5	90	450	
1.3	Thành phần HS 3	Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn công trình thủy lợi	2	44,962			1	5	90	450	
1.4	Thành phần HS 4	Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi	2	44,962			1	5	90	450	

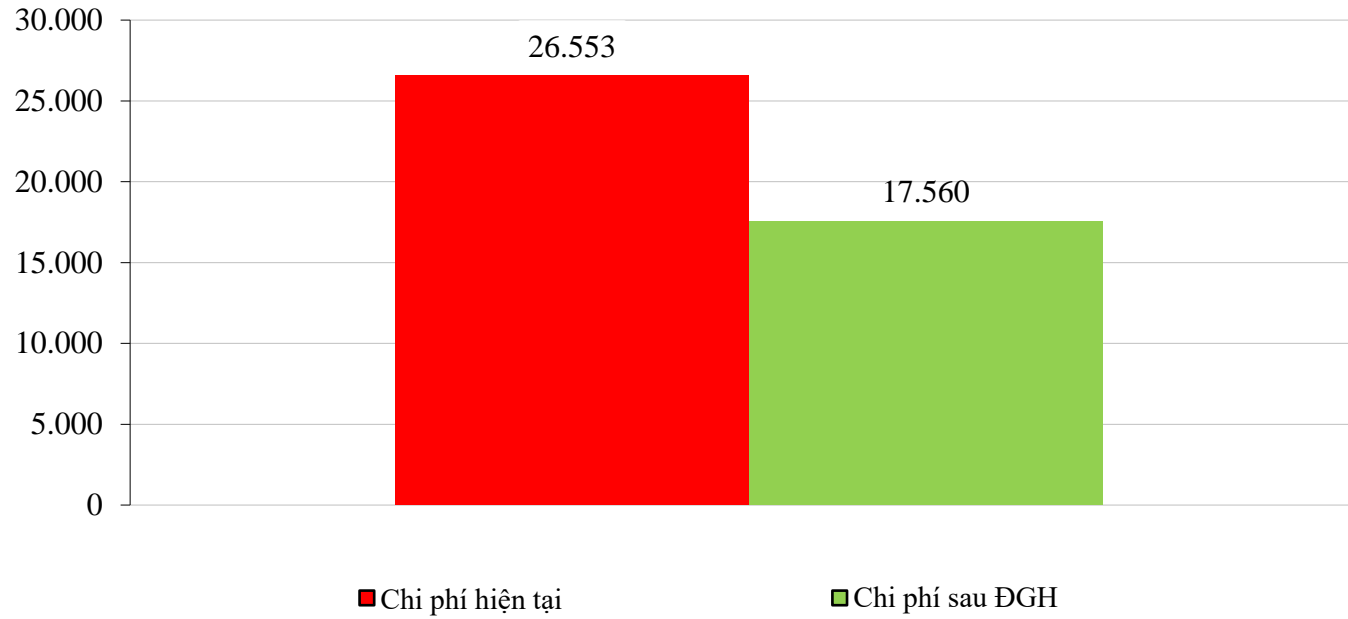
1.5	Thành phần HS 4	Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép	2	44,962			1	5	90	450	
2	Nộp hồ sơ		2	44,962			1	5	90	450	
		Bưu điện									
		Internet									
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác								0	0	
3.1	Phí								0	0	
3.2	Lệ phí								0	0	
3.3	Chi phí khác								0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)	Kiểm tra	104	44,962			1	5	4.681	23.405	
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	2	44,962			1	5	90	450	
		Bưu điện									
		Internet									
		Khác									
	TỔNG		40		0	0			5.311	26.553	
B.	CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA										

3.3	Chi phí khác										
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)	Kiểm tra	64	44,962			1	5	2.883	14.413	
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	2	44,962			1	5	90	450	
		Bưu điện									
		Internet							0	0	
		Khác							0	0	
	TỔNG		68		0	0			3.512	17.560	

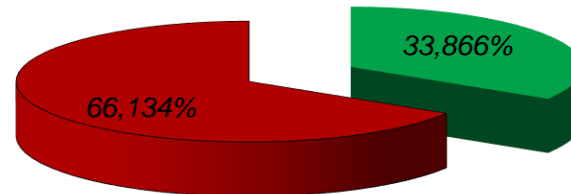
Ghi chú: Chi phí soạn đơn đề nghị 01 giờ/trang; thu nhập bình quân trên đầu người là 44.962 đồng/giờ (tổng sản phẩm trong nước năm 2022 là 9.444,8 nghìn tỷ đồng với 99,46 triệu; Chi phí để có bản sao chứng thực trung bình 1 giờ/1 lượt.

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại và sau đơn giản hóa



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa



* Ghi chú: Số liệu trong Bảng tính chỉ mang tính chất minh họa.